

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 22 - 10 - 2019.
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Giang San.

2. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 292/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1970.

- Bị đơn: Anh Trương Thanh T1, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số nhà 80/2, khu B, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Thanh T1 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 10/5/1994 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T1 có người phụ nữ khác và sống công khai với người đó hơn một năm chị mới biết nên anh T1 về nhà hay kiếm chuyện và gây gổ với chị. Từ khi chị bắt quả tang thì anh T1 không về nhà nữa và ở luôn với người phụ nữ đó, đến khi người đó đuổi

anh T1 đi thì anh T1 về ở với mẹ ruột của anh T1 cho đến nay. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị thấy không còn tình cảm với anh T1 nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trương Phan Đăng K, sinh năm 1995, đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Trương Thanh T1*: Anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Trương Thanh T1 được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, chị T trình bày do anh T1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, vợ chồng không còn ai quan tâm tới ai. Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia, có ý kiến trình bày cũng một phần thể hiện anh không còn muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Phan Thị T. Cho chị T được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Trương Phan Đăng K, sinh năm 1995. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, anh T1 chưa có ý kiến trình bày nên không xem xét trong vụ án này. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 10/5/1994, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh T1 có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân là phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Xét việc anh T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh không còn quan tâm đến hôn nhân với chị T nữa nên chị T trình bày có mâu thuẫn đã trầm trọng là có cơ sở. Như vậy, giữa chị T và anh T1 không còn T nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào T trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1 là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị T và anh T1.

[3] Về con chung: Theo chị T khai và theo kết quả xác minh tại địa phương thì anh chị có 01 người con chung là cháu Trương Phan Đăng K, sinh năm 1995, cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T1 thì không có lời khai cũng như không gửi yêu cầu gì cho Tòa án nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có, anh T1 thì không gửi yêu cầu gì cho Tòa án, theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về việc “Tranh chấp ly hôn” đối với anh Trương Thanh T1, cho ly hôn giữa chị T và anh T1.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001434 ngày 25/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp xong.

Chị T, anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. L ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

